

Số: **1568** /BC - TCS

Cẩm Phả, ngày 07 tháng 4 năm 2021

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1/ Thông tin khái quát.

Tên tổ chức phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU - VINACOMIN**

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin

Giấy chứng nhận ĐKKD: 5700101002 cấp lần thứ nhất ngày 02/1/2007. Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 5/12/2019.

Vốn điều lệ: 324.961.050.000 đồng; Mã cổ phiếu : TC6

Địa chỉ: Phường Cẩm Phú - Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203.3862062. Fax: 0203.3863936. Website:Cocsau.com

Vùng than Cọc Sáu trước ngày Chính phủ ta tiếp quản (25/04/1955) là một công trường khai thác than thủ công thuộc mỏ than Cẩm Phả. Sau khi tiếp quản được đặt tên là công trường Cọc Sáu thuộc xí nghiệp than Cẩm Phả. Khai thác than chủ yếu bằng thủ công mai, cuốc, xà beng... ở phía Tây và phía Bắc. Công trường Cọc Sáu ngày tiếp quản có 02 công trường như công trường Tả Hữu Ngạn và công trường Y.

Đến năm 1957 thành lập thêm công trường H

Đến năm 1958 thành lập tiếp công trường Bắc Phi (Bắc Cọc Sáu)

Đến năm 1959 thành lập công trường Thăng Lợi

Đến đầu năm 1960, công trường Cọc Sáu đã có tổng số 1811 người (1283 nam và 528 nữ), trong đó có 442 người Hoa, 184 Đảng viên, 230 đoàn viên thanh niên.

Tháng 3 năm 1960, Chính phủ có quyết định giải thể xí nghiệp quốc doanh than Cẩm Phả, thành lập Công ty Than Hòn Gai. Thực hiện quyết định số 707 BCN-KB2 của Thủ tướng Chính phủ thành lập xí nghiệp Than Cọc Sáu từ ngày 01/08/1960 (gọi tắt là mỏ Cọc Sáu), là xí nghiệp khai thác than lộ thiên trực thuộc Công ty Than Hòn Gai, diện tích đất đai được giao quản lý trên 16km<sup>2</sup>, lực lượng lao động lúc mới thành lập khoảng 2.000 người, trong đó lực lượng nòng cốt gồm bộ đội và thanh niên xung phong chuyển ngành được bổ sung về xây dựng khu mỏ.

Đến năm 1996, mỏ than Than Cọc Sáu trở thành đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam theo quyết định số 2600/QĐ-TCCB ngày 17/09/1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Việt Nam.

Tháng 9/2001, xí nghiệp Than Cọc Sáu chính thức đổi tên thành Công ty Than Cọc Sáu.

Theo quyết định số 487/QĐ-HĐQT ngày 19/12/2005 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch triển khai cổ phần hóa các doanh nghiệp thành viên trong đó có Công ty Than Cọc Sáu. Công ty Than Cọc Sáu đã thực hiện triển khai đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà nước từ ngày 01/01/2007 và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối 51%. Kể từ ngày 02/01/2007 với tên gọi mới là "Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - TKV" theo giấy phép kinh doanh số 2203000745 do

sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp với mức vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng. Từ ngày 28/4/2011 Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin với mã số doanh nghiệp 5700101002. Từ ngày 12/10/2011 Công ty tăng vốn điều lệ là 129.986.940.000 đồng.

Từ ngày 17/8/2016 đến nay đổi tên thành công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin với mã số doanh nghiệp 5700101002. Từ ngày 12/10/2011 Công ty tăng vốn điều lệ là 324.961.050.000 đồng. Từ ngày 28/2/2019 Công ty Nhà Nước nắm cổ phần chi phối 65%.

## **2/ Ngành nghề kinh doanh chính**

- Khai thác và thu gom than cứng?

## **3/ Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.**

Mô hình quản trị:

- + Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên.
- + Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên.
- + Ban Giám đốc, điều hành 06 người gồm 01 giám đốc, 04 phó giám đốc, 01 kế toán trưởng
- + Các Công trường, phân xưởng, phòng ban:
- Cơ cấu bộ máy quản lý các phòng ban:

- |                                 |  |
|---------------------------------|--|
| 01 - Phòng kỹ thuật khai thác   | 08 - Phòng Kế toán - thống kê -tài chính |
| 02 - Phòng Trắc địa địa chất    | 09 - Phòng Tổ chức - LĐ                  |
| 03 - Phòng Giám định chất lượng | 10 - Phòng Kế hoạch                      |
| 04 - Phòng điều khiển sản xuất  | 11- Phòng Đầu tư Môi trường              |
| 05 - Phòng An toàn              | 12 - Phòng Thanh tra Bảo vệ - Kiểm toán  |
| 06 - Phòng Cơ điện vận tải      | 13 - Văn phòng                           |
| 07 - Phòng Quản lý vật tư       | 14- Khối dân đảng                        |

- Các công trường, Phân xưởng:

- |                               |                               |
|-------------------------------|-------------------------------|
| 01- Công trường Khoan         | 08- Phân xưởng vận tải ô tô 6 |
| 02- Công trường Xúc tả ngạn   | 09- Phân xưởng cơ điện        |
| 03- Công trường Xúc thắng lợi | 10- Phân xưởng Sửa chữa       |
| 04- Phân xưởng vận tải ô tô 1 | 11- Công trường Gạt làm đường |
| 05- Phân xưởng vận tải ô tô 2 | 12- Phân xưởng Trạm mạng      |
| 06- Phân xưởng vận tải ô tô 3 | 13- Công trường Băng sàng     |
| 07- Phân xưởng vận tải ô tô 5 |                               |

## **4/ Định hướng phát triển :**

Trên cơ sở kế hoạch SXKD của từng năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT đề ra phương hướng nhiệm vụ cụ thể như sau: Phần đầu xây dựng Công ty trở thành một Công ty có trình độ khai thác mỏ hàng đầu của Tập đoàn - Vinacomin với công nghệ khai thác hiện đại, tiên tiến, đạt tiêu chuẩn trong khu vực. Làm tốt công tác bảo vệ môi trường và phần đầu xây dựng Công ty Cổ Phần Than Cọc Sáu - Vinacomin xanh, sạch, đẹp và thân thiện với môi trường để phát triển bền vững. Tập trung đẩy mạnh sản xuất ngay từ đầu năm theo kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh của Công ty với Tập đoàn, cân đối năng lực thiết bị và lao động để xây dựng phương án và thực hiện kế hoạch sản xuất, tiêu thụ hàng tháng, quý nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất và hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2020. Tranh thủ điều kiện thời tiết thuận lợi trong những tháng đầu

năm tăng cường bóc xúc, mở diện khai thác đồng thời tập trung tối đa phục vụ công tác hạ móng đảm bảo sản lượng và tiến độ theo kế hoạch đặt ra.

### 5/ Các rủi ro :

Năm 2020 là năm Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong khai thác mỏ đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD: Điều kiện khai thác khó khăn hơn, đáy móng tiếp tục xuống sâu (năm 2020 Công ty tập trung khai thác giảm tải ở mức từ -170÷290m); độ cao nâng tải và cung độ vận chuyển lớn; địa chất phức tạp; ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19; thời tiết quý III mưa nhiều và đặc biệt ảnh hưởng của cơn bão số 7 và đợt mưa lớn trong tháng 10 đã làm ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch khai thác và tiêu thụ than 6 tháng cuối năm; thị trường tiêu thụ than gặp khó khăn đã ảnh hưởng đến doanh thu và cân đối tài chính của Công ty.

Đứng trước khó khăn và thử thách trên, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ; sự chỉ đạo, quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc cùng với sự đồng thuận của các tổ chức đoàn thể. Công ty đã đoàn kết, chung sức vượt qua khó khăn, thực hiện hoàn thành tốt “mục tiêu kép” vừa phòng chống dịch Covid-19 và cơ bản hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2020 theo kế hoạch điều chỉnh, bảo toàn vốn.

## II. TÌNH HÌNH SXKD TRONG NĂM

### 1/ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, một số chỉ tiêu SXKD chủ yếu

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2020				
			Kế hoạch đầu năm	Kế hoạch điều chỉnh	Thực hiện	TỶ LỆ % SO VỚI	
						KH đầu năm	KH điều chỉnh
1	Đất đá bóc xúc	M <sup>3</sup>	28.000.000	24.810.000	24.807.333	88,6	100,0
2	Than sản xuất	Tấn	2.915.000	2.615.000	2.618.313	89,8	100,1
a	Than khai thác bóc vỉa	Tấn	2.000.000	1.700.000	1.700.004	85,0	100,0
b	Than sạch từ ĐDLT	Tấn	915.000	915.000	918.309	100,4	100,4
3	Hệ số bóc đất sản xuất	M <sup>3</sup> /tấn	14,00	14,59	14,59	104,2	100,0
4	Than tiêu thụ tổng số	Tấn	2.883.000	2.600.000	2.640.263	91,6	101,5
5	Doanh thu tổng số	Tr.đ	3.737.005	3.045.621	3.128.939	83,7	102,7
-	Trong đó: Doanh thu than	Tr.đ	3.734.005	3.029.069	3.110.521	83,3	102,7
6	Giá trị đầu tư XDCB	Tr.đ	188.710	155.441	145.714	77,2	93,74
7	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	27.248	27.248	7.212	26,5	26,5
8	Tiền lương bình quân	1000đ/người /tháng	9.674	9.648	9.838	101,7	102,0



- Quê quán: Xã Lê Lợi – Huyện An Dương – Thành Phố Hải Phòng
- Thẻ căn cước công dân: 031064004605 cấp ngày 23/01/2018
- Địa chỉ thường trú: Tổ 14, khu 3, Phường Hồng Gai, Hạ Long, Quảng Ninh
- Trình độ văn hoá: 12/12; Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế tài chính, Kỹ sư kinh tế

**\* Ông : ĐINH THÁI BÌNH - PHÓ GIÁM ĐỐC**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 11 tháng 06 năm 1976
- Nơi sinh: Cẩm phả - Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh 022076000154
- Địa chỉ thường trú: Tổ 3 – Khu Cao Sơn 2 - Cẩm Sơn - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Điện thoại liên lạc: 0974.191.996
- Trình độ văn hoá: 12/12; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 580 cổ phần

**\* Ông : NGUYỄN TẤN LONG - UVHĐQT - PHÓ GIÁM ĐỐC**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 08 tháng 11 năm 1967
- Nơi sinh: Bảo Xuyên - Vụ Bản - Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bảo Xuyên - Vụ Bản - Nam Định
- Số chứng minh thư nhân dân : 100 544 976
- Địa chỉ thường trú: Tổ 107A - Cẩm Phú - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí ô tô
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 2.437 cổ phần

**\* Ông : TRẦN SƠN HÀ - PHÓ GIÁM ĐỐC**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 01 tháng 10 năm 1969
- Nơi sinh: Cửa ông - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Trung - Hải Hậu - Nam Hà
- Số chứng minh thư nhân dân : 100449595
- Địa chỉ thường trú: Tổ 31A - Cẩm Phú - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 1.507 cổ phần

**\* Ông : VŨ VĂN HÙNG - PHÓ GIÁM ĐỐC**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 06 tháng 1 năm 1961
- Nơi sinh: Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quang Sơn Phú Xuyên Ninh Bình
- Số chứng minh thư nhân dân : 100710815



- Địa chỉ thường trú: Tổ 47 Cẩm Thành Cẩm Phả Quảng Ninh
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 2.785 cổ phần
- \* Ông : **PHẠM THANH PHƯƠNG – KẾ TOÁN TRƯỞNG**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 06 tháng 7 năm 1974
- Nơi sinh: Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Gia Phong - Gia Viễn - Ninh Bình
- Số chứng minh thư (thẻ căn cước): 022074003171 cấp ngày 23/5/2019
- Địa chỉ thường trú: Tổ 34 - Khu 3 - Cẩm Phú - Cẩm Phả - Quảng Ninh.
- Trình độ văn hoá: 12/12; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kế toán, Kỹ sư Kinh tế & QTKD.
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 5.200 cổ phần

## 2.2. Những thay đổi trong ban điều hành

Trong năm 2020 Công ty đã có sự thay đổi nhân sự ban điều hành:

- Quyết định số 91/QĐ-TCS ngày 16/05/2020 của HĐQT về việc thay đổi nhân sự HĐQT Công ty, ông Vũ Văn Khẩn, trưởng ban – thành viên ban quản lý vốn TKV thôi tham gia HĐQT và thôi giữ chức vụ thành viên HĐQT Công ty kể từ ngày 16/05/2020. Ông Nguyễn Văn Tứ, trưởng ban – thành viên ban quản lý vốn TKV giữ chức vụ thành viên HĐQT Công ty kể từ ngày 16/05/2020.

- Quyết định số 176/QĐ-TCS ngày 22/10/2020 của HĐQT Công ty về việc bổ nhiệm cán bộ, bổ nhiệm ông Phạm Thanh Phương, phó trưởng phòng Kế toán TKTC giữ chức vụ Kế toán Trưởng Công ty kể từ ngày 22/10/2020.

## 2.3. Số lượng cán bộ công nhân viên

Số lượng CBCNV có đến ngày 31/12/2020 là 2.324 người.

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Công ty lập, thẩm định, phê duyệt các dự án theo quy định của Nhà Nước ban hành. Giá trị thực hiện đầu tư năm 2020: 145.714 triệu đồng.

## 4. Tình hình tài chính:

### a. Tình hình tài chính

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2020	NĂM 2019
1	Tổng giá trị tài sản	1.708.219.916.173	2.003.514.223.341
2	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	3.124.086.175.224	3.557.605.860.663
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.124.283.993	-8.158.499.250
4	Lợi nhuận khác	1.070.509.115	24.047.652.450
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.212.793.108	15.889.153.200
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	7.212.793.108	5.998.451.133

**b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2020	NĂM 2019
1	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	0,54	0,68
2	Hệ số nợ phải trả/ vốn CSH	Lần	4,05	4,95
3	Vòng quay vốn lưu động (DDT/VLĐ)	Lần	4,45	3,88
4	Vòng quay hàng tồn kho (DTT/HTK)	Lần	8,43	8,14
5	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	2,21	1,83
	+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản (ROA)	%	0,39	0,30

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu****Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**a. Cổ phần:** Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 32.496.105 cổ phần phổ thông, với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

**b. Cơ cấu cổ đông:**

- Cổ đông trong nước: Sở hữu 31.424.630 cổ phần chiếm 97 %; Với:
  - + Cổ đông tổ chức sở hữu 21.484.354 cổ phần chiếm 66 %;
  - + Cổ đông cá nhân sở hữu 9.940.276 cổ phần chiếm 31 %.
- Cổ đông nước ngoài: Sở hữu 1.071.475 cổ phần chiếm 3 %. Với:
  - + Cổ đông tổ chức sở hữu 831.150 cổ phần chiếm 2,6%;
  - + Cổ đông cá nhân sở hữu 240.325 cổ phần chiếm 0,4%.
- Cổ đông lớn: Tập đoàn Vinacomin sở hữu: 21.122.469 cổ phần chiếm 65,%;

**c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không;**

**d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không;**

**e. Các chứng khoán khác: Không.**

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.**

**6.1. Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm 447.181 triệu đồng**

**6.2. Năng lượng tiêu thụ trong năm:**

- Nhiên liệu: 457.449 triệu đồng
- Động lực: 51.717 triệu đồng

**6.3. Tiêu thụ nước:**

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty hợp đồng mua nước với Công ty Nước sạch Quảng Ninh, năm 2020 lượng nước Công ty sử dụng: 11.012 m<sup>3</sup>

**6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Trong năm công ty đã nộp 35.712 triệu đồng tiền phí bảo vệ môi trường.

Công ty luôn thực hiện tuân thủ Luật pháp và các quy định về môi trường, không để xảy ra vi phạm.

**6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:**

- a/ - Số lượng lao động bình quân trong năm: 2.383 người
- Tiền lương bình quân: 9.838.000/ người/ tháng.

b/ Chính sách lao động nhằm bảo vệ sức khỏe an toàn và phúc lợi cho người lao động:

- Tổ chức phát động hiệu quả các phong trào thi đua lao động sản xuất hướng về mục tiêu “An toàn - Đổi mới - Hiệu quả - Phát triển”. Trong năm Công ty có nhiều tập thể, cá nhân được các cấp suy tôn và khen thưởng.

- Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, các phong trào VHVN-TDĐT; phát huy nội lực, tham gia có hiệu quả các hoạt động văn hoá, thể thao do các cấp tổ chức

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động; duy trì chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, ổn định việc làm cho người lao động, chăm lo các ngày lễ, tết cho CBCN theo quy định.

- Tổ chức tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động; khám sức khỏe định kỳ lần 1 năm 2020 cho toàn bộ CBCN theo quy định; khám lần 2 cho đối tượng nghề nặng nhọc, độc hại, bệnh nghề nghiệp, cấp dưỡng; tổ chức cho CBCNV sức khỏe yếu được đi nghỉ mát và hỗ trợ điều trị theo quy định của TKV.

- Tham gia tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, các cuộc vận động xã hội từ thiện do các cấp phát động.

#### **6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương**

- Nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường và hạn chế thấp nhất các tác động của ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất than tới cộng đồng dân cư. Hàng năm Công ty tổ chức quan trắc môi trường định kỳ theo yêu cầu của báo cáo ĐTM đã được phê duyệt với các chỉ tiêu quan trắc bao gồm: Môi trường không khí, môi trường đất, môi trường nước với tần suất quan trắc 04 lần / năm.

- Theo kết quả của báo cáo quan trắc môi trường định kỳ tại Công ty Cổ phần than Cọc Sáu - Vinacomin đó được Công ty CP tin học CN Môi trường – vinacomin thực hiện, cơ bản các chỉ tiêu về môi trường không khí, nước và đất đều đạt kết quả ở ngưỡng cho phép theo QCVN.

- Hàng năm Công ty thường xuyên đầu tư và hỗ trợ Chính quyền địa phương thực hiện các công việc liên quan tới công tác Bảo vệ môi trường, cụ thể: Nạo vét các tuyến mương, suối khu dân cư; Tổng vệ sinh môi trường các tuyến đường khu vực dân sinh; Duy tu bảo dưỡng các tuyến đường liên lạc khu vực dân cư nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Tổng số tiền dành cho công tác bảo vệ môi trường thường xuyên tại Công ty năm 2020 trên 14 tỷ đồng.

#### **6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:**

##### **a. Xử lý nước thải công nghiệp**

- Công ty phối hợp chặt chẽ, đôn đốc, giám sát Công ty TNHH 1 TV Môi trường - TKV trong công tác duy trì vận hành hiệu quả trạm xử lý nước thải mỏ than Cọc Sáu đảm bảo chất lượng nước xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận theo QCVN 40-2011/BTNMT.

- Khối lượng nước đã xử lý cho Công ty CP Than Cọc Sáu năm 2020: 7.236.930 m<sup>3</sup> giá trị xử lý: 16,3 tỷ đồng.

##### **b. Xử lý nước thải sinh hoạt**

- Công ty đã ký hợp đồng mua nước của công ty CP nước sạch Quảng Ninh - Xi nghiệp nước Cẩm phá phục vụ hoạt động sinh hoạt của công ty. Nước thải sinh hoạt được xử lý thông qua 03 modul trạm xử lý nước thải sinh hoạt tại 03 điểm tại Công ty.



- Thực hiện quan trắc định kỳ nước thải sau khi xử lý tại 03 trạm xử lý nước thải sinh hoạt. Chất lượng nước thải sau 03 trạm đạt qui chuẩn QCVN: 14-2008/BTNMT.

### **c. Xử lý khí thải, bụi**

- Công ty tiếp tục tăng cường công tác trung đại tu và sửa chữa các thiết bị máy móc hạn chế lượng khí thải phát sinh.

- Duy trì 10 xe Stec chở nước dung tích từ 12-20m<sup>3</sup> và cải hoán 04 xe HD 435-7 dung tích 35m<sup>3</sup> phục vụ công tác tưới nước dập bụi tại các khu vực khai trường Công ty, bãi thải, khu giáp ranh dân cư.

- Tiếp tục vận hành hệ thống lọc bụi túi khu vực ga B, hệ thống chuyển tải than bằng băng tải kín từ +15 moong về khu sàng tuyển.

- Nhằm hạn chế tối đa lượng bụi phát sinh phát tán từ khu vực kho chứa than, Công ty tiếp tục duy tu củng cố hệ thống lưới che chắn bụi khu vực băng sàng.

- Hệ thống phun sương dập bụi tại các hệ thống sàng, cầu chuyển tải than được duy trì vận hành 03 ca sản xuất. Hiện tại hệ thống đang hoạt động ổn định và đảm bảo hiệu quả dập bụi.

### **d. Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp, chất thải sinh hoạt**

- Chất thải rắn công nghiệp: Toàn bộ lượng chất thải rắn công nghiệp: sẫm lớp phế liệu, dây cu roa, cao su các loại... được thu gom, bảo quản riêng tại kho vật tư và chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng qui định. Khối lượng chất thải rắn đã xử lý: 470 tấn.

- Chất thải sinh hoạt: Chất thải sinh hoạt phát sinh tại công ty được thu gom lưu trữ trong các xe đẩy chứa rác thải, chuyển giao cho công ty Môi trường đô thị Cẩm Phả vận chuyển xử lý theo qui định của pháp luật. Khối lượng thuê xử lý gần 32,8 tấn.

- Chất thải nguy hại và chất thải y tế: Được phân loại, thu gom lưu trữ tại các kho chứa chất thải nguy hại. Chuyển giao cho Công ty CPTM Hải Đăng thu gom, vận chuyển xử lý theo đúng qui định của pháp luật. Lượng chất thải nguy hại đã thuê xử lý năm 2020: 450 tấn.

- Tổng giá trị xử lý chất thải: 3,094 tỷ đồng.

### **e. Quan trắc môi trường định kỳ**

- Công ty tổ chức thực hiện đầy đủ chương trình giám sát, quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc dịch động bãi thải (Khe rè, Đông Cao Sơn, đập chắn số 04 Khe rè), quan trắc môi trường nhà điều hành, Trạm y tế công ty theo đúng yêu cầu tại bản báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

- Tần suất quan trắc môi trường định kỳ, dịch động bãi thải: 04 lần/năm.

- Tần suất quan trắc môi trường nhà điều hành, trạm y tế: 02 lần/năm.

- Chi phí thực hiện năm 2020: 874 triệu đồng

### **f. Trồng cây cải tạo phục hồi môi trường, tạo cảnh quan môi trường**

- Tổ chức hưởng ứng tết trồng cây năm 2020, trồng cây tăng cường phủ xanh phục hồi môi trường bãi thải Khe Rè mức +150,+180, và mức +110, +300, bãi thải Đông Cao Sơn. Tổng số diện tích trồng cây: 6,09 ha với tổng số tiền 2,3 tỷ đồng.

### **g. Thực hiện nghĩa vụ tài chính trong công tác bảo vệ môi trường**

- Công ty thực hiện ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản lần 12 cho năm 2020 theo quyết định phê duyệt dự án cải tạo phục hồi

2-C  
TV  
AN  
CSA  
MIN  
QUAN

môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường với giá trị: 5,6 tỷ đồng, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Quảng Ninh xác nhận.

#### **h. Đảm bảo thoát nước bảo vệ môi trường qua khu dân cư**

- Công ty đã tổ chức phối hợp với công ty mt triển khai nạo vét các tuyến suối thoát nước qua khu dân cư đảm bảo tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường.

#### **i. Đảm bảo an toàn khu vực bãi thải Đông Cao Sơn**

- Tổ chức duy trì vận hành ổn định và có hiệu quả tuyến đê chắn chân bãi thải Đông Cao Sơn và hệ thống đập số 1,2 khu vực đổ thải H10 Mông Dương đã được đầu tư từ năm 2015 và 2016, không để xảy ra sự cố trong năm 2020.

### **III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

##### **a. Công tác điều hành sản xuất và kỹ thuật công nghệ**

Trong năm Công ty đã chỉ đạo, thực hiện tốt các phương án khai thác trọng điểm theo mục tiêu đề ra, cơ bản hoàn thành kế hoạch hạ moong 2019÷2020.

- Công tác quản lý kỹ thuật khai thác cơ bản thực hiện đảm bảo theo đúng quy định; tập trung cải thiện các điều kiện khai thác, trong đó đã tập trung bóc đất, giảm tải tại các khu vực, mở diện khai thác than khu vực moong. Các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ trong năm cơ bản đạt so với kế hoạch đề ra.

- Triển khai thực hiện tốt các giải pháp kỹ thuật công nghệ, thoát nước theo "Phương án trình tự khai thác hợp lý 3 mỏ" và triển khai bám sát kế hoạch dài hạn 2020÷2024.

- Công tác điều hành sản xuất: Thực hiện theo đúng các quy định, giữ vững kỷ luật điều hành. Trong năm đã triển khai thực hiện các giải pháp điều hành sản xuất hợp lý để tăng thời gian làm việc hữu ích của thiết bị, nâng cao năng suất lao động.

- Thực hiện tốt công tác chuẩn bị nguồn than, chỉ đạo điều hành hợp lý giữa khâu sản xuất, công nghệ và tiêu thụ; thực hiện hiệu quả phương án sản xuất than sạch tại các hệ thống sàng. Các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm năm 2020 cơ bản đạt kế hoạch đề ra.

- Tổ chức thi công hoàn thành các công trình thoát nước, PCMB theo đúng kế hoạch, các công trình phát huy hiệu quả. Thực hiện tốt công tác BVMT thường xuyên theo quy định.

- Cân đối tổ chức sửa chữa, bảo dưỡng, trung tu thiết bị theo kế hoạch. Đẩy mạnh ứng dụng Tin học hóa, Tự động hóa trong hoạt động SXKD. Lắp đặt bổ sung các thiết bị công nghệ thông tin tiên tiến để nâng cao hiệu quả quản lý; trong năm đã tự động hóa khâu bơm nước moong và đầu tư đưa vào hoạt động 06 hệ thống phun sương cao áp dập bụi công suất lớn tại hệ thống sàng và bãi thải Đông Cao Sơn.

- Thực hiện công tác quản lý, mua bán vật tư phục vụ yêu cầu sản xuất theo đúng theo quy định; giá trị vật tư tồn kho trong mức quy định.

- Cân đối, điều chỉnh các dự án đầu tư năm 2020 phù hợp với tình hình thực tế để đảm bảo hiệu quả đầu tư. Trong năm Công ty đã triển khai thực hiện 11 dự án với 26 gói thầu. Tổng giá trị đầu tư thực hiện năm 2020 là 145 tỷ 714 triệu đồng, đạt 93,74% kế hoạch.

##### **b. Công tác tổ chức, tái cơ cấu, sử dụng lao động**

- Công ty tập trung thực hiện có hiệu quả các nội dung theo Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2017÷2020. Trong năm đã sáp nhập PXVT ô tô số 7 vào các PXVT ô tô, sáp nhập Công trường Than 2 vào Công trường Băng Sàng; hợp nhất Phòng KTVT và Phòng Cơ điện. Công ty hiện còn 13 công trường, phân xưởng; 13 phòng quản lý theo đúng mô hình mẫu của TKV.

- Tổ chức thực hiện các biện pháp tinh giản lực lượng lao động và cơ cấu lại lao động; kết quả năm 2020 Công ty đã giảm tuyệt đối được 108 lao động. Tổng số lao động đến 31/12/2020 là 2.324 người (nữ 479).

- Cân đối, sắp xếp lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả sử dụng lao động. Lao động bình quân năm 2020 đạt 2.383 người, giảm 162 người so với kế hoạch.

- Triển khai chương trình đánh giá hiệu quả công việc theo KPI tại các phòng ban trong Công ty.

### **c. Công tác quản trị chi phí, kinh tế tài chính**

- Trong năm Công ty đã kịp thời xây dựng và thực hiện các phương án điều hành sản xuất kinh doanh phù hợp với diễn biến thực tế sản xuất và tiêu thụ; hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật theo kế hoạch điều chỉnh năm 2020.

- Tổ chức giao khoán, quản trị chi phí đến từng bộ phận, đơn vị và từng đầu thiết bị; thực hiện tiết giảm chi phí sản xuất.

- Rà soát, sửa đổi ban hành một số quy chế, quy định quản lý nội bộ cho phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu nhiệm vụ.

- Xây dựng hoàn thiện kế hoạch SXKD dài hạn 2020÷2024 của Công ty báo cáo và đã được Tập đoàn TKV thông qua.

- Thực hiện công tác kế toán, thống kê, tài chính theo quy định, sử dụng hiệu quả vốn kinh doanh; nộp đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước 687 tỷ 540 triệu đồng.

- Thực hiện thoái toàn bộ vốn đầu tư của Công ty tại Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả với tổng số tiền thu hồi được 43,598 tỷ đồng và đảm bảo nguyên tắc bảo toàn vốn đầu tư.

### **d. Công tác đời sống, xã hội**

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động; chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần, đảm bảo việc làm cho người lao động.

- Tăng cường thực hiện các biện pháp để cải thiện điều kiện làm việc, chăm sóc sức khỏe cho người lao động; triển khai thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 theo chỉ đạo của các cấp.

- Phát động hiệu quả các phong trào thi đua lao động sản xuất hướng về mục tiêu “An toàn - Đổi mới - Phát triển” và các phong trào thi đua chuyên đề năm 2020. Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, duy trì các phong trào văn hóa, thể thao.

- Tổ chức duy tu sửa chữa một số cơ sở vật chất và tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Công ty (01/8/1960÷01/8/2020).

- Tham gia tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, các cuộc vận động xã hội từ thiện do các cấp phát động, với tổng số tiền 2 tỷ 598 triệu đồng.

### **e. Công tác an ninh trật tự; An toàn- VSLĐ**

- Công ty tăng cường chỉ đạo và thực hiện nhiều biện pháp trong công tác bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ tài sản, tài nguyên, ranh giới mỏ. Thực hiện tốt các quy chế phối hợp bảo vệ an ninh trật tự với Công an và Chính quyền địa phương trên địa bàn. Tình hình an ninh trật tự trong năm cơ bản ổn định.

- Tập trung chỉ đạo và thực hiện quyết liệt nhiều biện pháp về công tác AT-VSLĐ đạt được kết quả theo mục tiêu đề ra. Năm 2020, Công ty không xảy ra tai nạn lao động và sự cố thiết bị nghiêm trọng.

## **2. Tình hình tài chính, quản trị chi phí, quản lý kinh tế**



- Công ty đã kịp thời xây dựng và thực hiện các phương án điều hành sản xuất kinh doanh phù hợp với diễn biến thời tiết và tình hình tiêu thụ.

- Thực hiện công tác khoán, quản trị chi phí đến từng bộ phận, đơn vị và từng đầu thiết bị; giảm khối lượng công nghệ phục vụ và công việc phát sinh ngoài kế hoạch nhằm đảm bảo sản xuất kinh doanh.

- Ban hành và thực hiện bộ định mức năng suất thiết bị áp dụng trong Công ty; điều chỉnh kế hoạch quỹ tiền lương và đơn giá tiền lương theo kế hoạch điều chỉnh năm 2020. Trong năm Công ty sử dụng hiệu quả quỹ tiền lương.

- Thực hiện công tác kế toán, thống kê, tài chính theo quy định; nộp đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước; bảo toàn vốn kinh doanh.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**

- Tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu tổ chức bộ máy và lao động theo Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017-2020 đảm bảo tinh gọn, hiệu quả; thực hiện tinh giản lực lượng lao động và cơ cấu lại lao động để nâng cao năng suất lao động.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung và ban hành mới các quy chế, quy định về quản lý nội bộ Công ty phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

- Cân đối tuyển dụng, sắp xếp lao động hợp lý với kế hoạch sản lượng, đảm bảo phục vụ sản xuất, hiệu quả sử dụng lao động.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.**

Đầu tư phát triển nguồn nhân lực.

Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác.

Đầu tư thăm dò trữ lượng tài nguyên.

### **5. Giải trình của Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)**

Không có ý kiến của Kiểm toán.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:**

Năm 2020, Công ty hoạt động hiệu quả, đúng pháp luật. Ban điều hành sáng tạo, đã tạo ra những bước đột phá mới trong quản lý, điều hành đạt năng suất lao động, năng suất thiết bị, đảm bảo thu nhập cho người lao động. Tư tưởng cán bộ CNVC - LĐ ổn định và đã chuyển biến rõ rệt theo chiều hướng tích cực. Đội ngũ cán bộ quản lý đã thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm và chủ động thực hiện, phối hợp thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao trong quản lý và điều hành. Công nhân lao động đã nâng cao ý thức trách nhiệm, tận dụng tối đa thời gian làm việc để nâng cao giờ lao động làm ra sản phẩm. Những kết quả nêu trên của Tập thể CBCNV - LĐ Công ty đã góp phần quan trọng đưa Công ty vượt qua khó khăn hoàn thành Kế hoạch SXKD. Bảo toàn được nguồn vốn kinh doanh.

### **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.**

Bộ máy điều hành Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết, Quyết định ban hành, ý kiến chỉ đạo của HĐQT, đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty. Bộ máy điều hành Công ty đã thắt chặt công tác quản lý, quản trị chi phí, điều hành sản xuất linh hoạt, vượt qua nhiều khó khăn điều kiện khai thác. Điều hành sản xuất kinh doanh an toàn, hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2020 với tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN 7,212 tỷ đồng, đảm bảo thu nhập cho người lao động cao hơn năm 2019.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Ban giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ với cơ quan Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh Công ty chỉ đạo tốt các

đơn vị, người lao động trong Công ty sản xuất hiệu quả, đảm bảo phát triển Công ty ổn định, bền vững.

### **3. Các kế hoạch và định hướng của HĐQT .**

Năm 2021 dự báo là năm còn nhiều khó khăn, thách thức mới: Điều kiện khai trường sản xuất của Công ty ngày càng khó khăn, khai thác tiếp tục xuống sâu, độ cao nâng tải và cung độ vận chuyển lớn, tài nguyên khó khăn do phần than khai thác chủ yếu ở đáy moong nên phụ thuộc vào nhiều vào thời tiết; tình hình thời tiết diễn biến khó lường gây khó khăn cho quá trình tổ chức sản xuất của Công ty. Để đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho cổ đông, như trong báo cáo phương hướng nhiệm vụ và các giải pháp chi đạo điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh do Giám đốc đã trình bày, Hội đồng quản trị cần tập trung chỉ đạo, giải quyết một số vấn đề trọng tâm sau:

1. Chỉ đạo, điều hành các phương án tổ chức sản xuất kinh doanh đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho các cổ đông của Công ty.

2. Tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu tổ chức bộ máy và lao động theo đảm bảo tinh gọn, hiệu quả. Rà soát, tinh giản lực lượng lao động và cơ cấu lại lao động đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực.

3. Rà soát, bổ sung, ban hành các quy chế quản trị của Công ty phù hợp với các quy định của Nhà nước và TKV để đảm bảo cho bộ máy quản lý, điều hành của Công ty hoạt động linh hoạt, hiệu quả.

4. Chỉ đạo quản trị chặt chẽ các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ; triển khai thực hiện các giải pháp tổ chức sản xuất hợp lý để tăng thời gian làm việc hữu ích của thiết bị, tăng năng suất lao động.

5. Chỉ đạo, thực hiện các giải pháp đổi mới công nghệ, áp dụng hiệu quả công nghệ thông tin tiên tiến trong quản lý, điều hành Công ty. Thực hiện chặt chẽ các giải pháp tiết kiệm chi phí để giảm giá thành sản xuất.

6. Cân đối, tổ chức thực hiện hiệu quả các dự án đầu tư năm 2021. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ điều chỉnh và quyết toán Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ than Cọc Sáu-Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-TKV.

7. Quản trị và điều hành hoạt động của Công ty đạt hiệu quả, đảm bảo an toàn tài chính; giữ vững công tác an toàn, an ninh trật tự.

8. Quan tâm, chia sẻ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư, cổ đông của Công ty; chăm lo, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, tạo đủ việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

9. Phối hợp chặt chẽ giữa bộ máy điều hành, Ban kiểm soát, với các tổ chức chính trị trong Công ty để phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình sản xuất kinh doanh.

### **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY,**

#### **1. Hội đồng quản trị**

##### **a. Thành viên, cơ cấu**

- |                         |   |
|-------------------------|---|
| 1. Ông Phạm Công Hương  | Chủ tịch HĐQT                               |
| 2. Ông Nguyễn Văn Thuấn | Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty;          |
| 3. Ông Vũ Văn Khấn      | Thành viên HĐQT (Đến hết ngày 15/05/2020)   |
| 4. Ông Nguyễn Văn Tứ    | Thành viên HĐQT (Từ ngày 16/05/2020)        |
| 5. Ông Nguyễn Tấn Long  | Thành viên HĐQT, Phó GD Công ty;            |
| 6. Ông Trần Đức Kha     | Thành viên HĐQT, Phó Bí thư đảng ủy Công ty |

Các thành viên HĐQT đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần than Cọc Sáu - Vinacomin hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm, HĐQT đã vận dụng linh hoạt các hình thức được qui định trong luật doanh nghiệp và trong điều lệ Công ty, quyết định kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty được thông suốt.

HĐQT đã thống nhất Nghị quyết mô hình tổ chức sản xuất tổ chức bộ máy điều hành Công ty với quy mô hợp lý, phát huy được sự chủ động sáng tạo và sự liên kết phối hợp giữa các cá nhân và bộ phận.

HĐQT đã ban hành các qui chế, qui định, quyết định phục vụ việc quản lý, điều hành các mặt hoạt động của Công ty.

#### **b. Các tiểu ban**

Các phòng ban trong Công ty được giao nhiệm vụ đồng thời là các tiểu ban giúp việc cho HĐQT Công ty, tham mưu giúp HĐQT chỉ đạo bộ máy điều hành thực hiện SXKD đúng luật pháp, sử dụng lao động hợp lý, hiệu quả.

#### **c. Hoạt động của HĐQT**

HĐQT đã tổ chức họp thường kỳ theo quy định và các cuộc họp đột xuất khác để nghe các thành viên HĐQT báo cáo tình hình hoạt động SXKD của Công ty và thảo luận để kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp với điều kiện thực tế SXKD của Công ty, cụ thể:

Năm 2020, HĐQT Công ty đã họp 35 phiên qua hình thức họp trực tiếp và họp gián tiếp; ban hành 219 nghị quyết, quyết định và văn bản theo thẩm quyền. HĐQT thực hiện nghiêm công tác quản trị, giám sát bộ máy điều hành Công ty nhằm triển khai thực hiện đúng nghị quyết, quyết định ban hành của HĐQT.

Thực hiện tốt chế độ báo cáo định kỳ, công bố thông tin đúng quy định, công khai, minh bạch.

Năm 2020, HĐQT đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; các thành viên HĐQT Công ty đã hoạt động đúng chức trách, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, minh bạch, vì lợi ích của các cổ đông và của Công ty.

Chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh: Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020, chỉ đạo, giám sát bộ máy điều hành quản lý công ty cơ bản hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2020 theo kế hoạch điều chỉnh.

#### **d. Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập**

Trong HĐQT có 03 thành viên không tham gia trực tiếp điều hành sản xuất, các thành viên tham gia đầy đủ các phiên họp và được giao nhiệm vụ theo các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn của mỗi người, cả 3 thành viên HĐQT độc lập đều hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao.

#### **e. Ban Kiểm soát**

+ Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần than Cọc Sáu - Vinacomin gồm 03 thành viên và hoạt động độc lập và kiêm nhiệm.

- |                        |               |
|------------------------|---------------|
| 1- Ông Nguyễn Văn Hùng | - Trưởng ban; |
| 2- Bà Trần Thị Diệp    | - Ủy viên;    |
| 3- Bà Vũ Thiệt Thành   | - Ủy viên.    |

20  
V  
N  
S  
A  
MIN  
QUAN

Ban kiểm soát của Công ty thường xuyên giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty thông qua việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết các kỳ họp của HĐQT, các quy chế, qui định do HĐQT ban hành.

Giám sát hoạt động của Giám đốc điều hành thông qua việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT, các nghị quyết của Giám đốc trong lĩnh vực thuộc quyền hạn của Giám đốc được qui định trong điều lệ của Công ty.

## 2/ Thu nhập của các ủy viên HĐQT, Ban kiểm soát, người quản lý Công ty

STT	Chức danh	Tiền lương	Thù lao
1	Hội đồng quản trị và viên chức quản lý	1.685.245.000	271.920.000
2	Ban kiểm soát	331.320.000	102.840.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.016.565.000</b>	<b>374.760.000</b>

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến của Kiểm toán:

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam. Công ty đã đăng báo, gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định.

Website của Công ty đăng tải báo cáo tài chính là: [www.Cocsau.com](http://www.Cocsau.com)

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDCKHN;
- Lưu: VT, KTTK.(Ng.H 04)

GIÁM ĐỐC 



**Nguyễn Văn Thuận**